TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/6/2024.
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hiệp

Ông Trần Thanh Phong

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Nguyễn Minh Thuận – Thư ký Tòa án.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 539/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST -HN ngày 01 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2024/QĐST-HN ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa:

* *Nguyên đơn:* Bà Ch, sinh năm 1978. (có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn:* Ông V, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/11/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Bà và ông V cưới nhau vào năm 1998, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 03/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông V không còn quan tâm đến bà và con. Mặc dù, bà đã cố gắn tạo điều kiện để vợ chồng hàn

gắn. Tuy nhiên, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên cả hai đã ly thân từ đó cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Có con chung tên Nguyễn Hoài Bảo, sinh ngày 11/9/1999. Đã trưởng thành.

Về tài sản chung; nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

** Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do ông V không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Ch và ông V kết hôn vào năm 1998, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 02/5/2008 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống giữa Bà Ch và ông V thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là bất đồng quan điểm. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành mời ông V để hòa giải nhằm cho các bên có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông V không đến dự. Điều đó cho thấy ông V không còn thiết tha đối với mối quan hệ hôn nhân với Bà Ch, chứng tỏ hôn nhân giữa Bà Ch và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Bà Ch yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Ch.

[3] Về con chung: Có con chung tên Ng, sinh ngày 11/9/1999 (đã trưởng thành).

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ch không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Ch được ly hôn với ông V. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 02/5/2008 của UBND xã Th, huyện B chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Có con chung tên Ng, sinh ngày 11/9/1999 (đã trưởng thành).

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, buộc bà Ch phải nộp được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Bà Ch đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000573 ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt theo quy định pháp luật.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THA huyện Bình Đại;
- UBND xã Th;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thanh Tùng